

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HUNG HÀ  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2021/HNGĐ-ST

Ngày 13-8-2021

V/v: *Ly hôn giữa*

*chị Th và anh S.*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUNG HÀ - TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Quang Trác.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Văn Bình

Ông Tống Xuân Tú

*- Thư ký phiên toà:* Ông Lương Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Hoài Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 346/2020/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2021 về việc “ Ly hôn-nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2021/HNGĐ-QĐ ngày 16 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Trần Thị Th, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Khu A, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình.

**Bị đơn:** Anh Thái Văn S, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình.

*(Chị Th có đơn xin xét xử vắng mặt; Anh S vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai chị Trần Thị Th trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Thái Văn S kết hôn với nhau là do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình vào ngày 10-6-2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 02 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, thường xuyên cãi nhau, dù đã cố gắng bằng nhiều cách nhưng hai bên vẫn không tìm được tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2014 đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn với anh S. Về con chung: Chị và anh S có 01 con chung là cháu

Thái Thùy L, sinh ngày 20/7/2012, ly hôn chị xin nhận nuôi con và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại các biên bản lấy lời khai ngày 11/5/2021 đối với ông Thái Văn T và ngày 14/5/2021 đối với bà Thái Thị L (Ông T, bà L là bố, mẹ đẻ anh S) trình bày:*

Con trai ông, bà là Thái Văn S hiện đang làm ăn ở tỉnh Đắk Lắk nên không về Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà để tham gia giải quyết vụ án được. Anh S có thông tin trao đổi lại với ông, bà như sau:

Về hôn nhân: Anh S xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí ly hôn với chị Th.

Về con chung: Anh và chị Th có 01 con chung là cháu Thái Thùy L, sinh ngày 20/7/2012. Hiện nay con chung đang ở với chị Th, vì công việc thường xuyên phải xa nhà nên anh nhất trí để chị Th trực tiếp nuôi dưỡng con chung, trường hợp chị Th sau này đi lấy chồng thì anh sẽ đón con chung về nuôi.

Về tài sản chung: Anh và chị Th không có tài sản gì chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Thái Thị L trình bày: Khoảng năm 2014, bà có đưa cho chị Th số tiền 10.000.000 đồng và đề nghị Tòa án thông báo cho chị Th biết, bà không làm đơn yêu cầu với chị Th về khoản tiền này, chị Th trả hay không là quyền của chị Th.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng chị Th đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, anh S chưa chấp hành các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xử giải quyết cho chị Th và anh S ly hôn. Về con chung: Giao con chung là cháu Thái Thùy L, sinh ngày 20/7/2012 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con, anh S được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Về tài sản chung: Chị Th không yêu cầu, anh S vắng mặt và chưa có ý kiến trực tiếp về tài sản chung nên không đặt ra giải quyết. Chị Th phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Chị Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung với anh Thái Văn S. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các

bên được xác định là “Ly hôn – nuôi con chung”. Anh S có hộ khẩu thường trú tại thôn Tổ dân phố V, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Th có đơn xin xét xử vắng mặt. Hiện nay anh S đã biết TAND huyện Hưng Hà đang thụ lý giải quyết vụ án ly hôn giữa chị Th và anh nhưng anh không về Tòa án giải quyết vụ án, vì vậy TAND huyện Hưng Hà mở phiên tòa xét xử vắng mặt anh S theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự và xét xử vắng mặt chị Th theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Th và anh S kết hôn do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình vào ngày 10-6-2011, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được 02 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, do không khắc phục được mâu thuẫn nên chị Th, anh S đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay, anh S có ý kiến thông qua bố, mẹ anh thể hiện: Anh cũng nhất trí ly hôn với chị Th. Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Th và anh S đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được cần xử cho ly hôn giữa chị Th và anh S là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Chị Th và anh S có 01 con chung là Thái Thùy L, sinh ngày 20/7/2012, hiện nay con chung đang ở với chị Th, chị Th có nguyện vọng nuôi con chung và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung, nguyện vọng của cháu L muốn được ở với chị Th, anh S cũng nhất trí để chị Th nuôi con, vì vậy cần giao cho chị Th trực tiếp nuôi Thái Thùy L là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 và Điều 83 - Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Chị Th không yêu cầu, anh S vắng mặt và chưa có ý kiến trực tiếp về tài sản chung nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về nợ chung: Khoảng năm 2014, bà Thái Thị L (mẹ đẻ anh S) có đưa cho chị Th số tiền 10.000.000 đồng, bà L đề nghị Tòa án thông báo cho chị Th biết, bà không làm đơn yêu cầu đối với chị Th, chị Th có trả hay không là quyền của chị Th. Tòa án đã giải thích pháp luật cho bà L nếu có yêu cầu thì làm đơn gửi Tòa án giải quyết nhưng bà Liễu không làm đơn yêu cầu, mặt khác chị Th cho rằng không vay nợ của bà L. Do bà L và chị Th không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Th phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Từ các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

**1. Về hôn nhân:** Xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị Th và anh Thái Văn S.

**2. Về nuôi con chung:** Giao con chung là cháu Thái Thùy L, sinh ngày 20/7/2012 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, anh S không phải góp cấp dưỡng nuôi con chung. Anh S có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, việc thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi có yêu cầu.

**3. Về án phí:** Chị Th phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị Th đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0006271 ngày 17-12-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà thành tiền án phí ly hôn (chị Th đã nộp đủ tiền án phí).

**4. Về quyền kháng cáo:** Chị Th, anh S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Các đương sự;
- UBND xã thị trấn H, huyện H;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Quang Trác**